

LIST HÀNG KHO BÌNH ĐỊNH - NHƠN HỘI LỖ 33												
Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm (Ghi chú: 60% hàng < 2 tấn)												
STT	Item	Tên hàng	Mã số	ĐVT	Khối lượng Net	KL Lãi	Khối lượng Gross	Ngày	Kho	Ghi chú	Dày	Khổ
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940117110050203	Kg	120		120	21/06/2018	Nhơn Hội		0.58	1250
2	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940117110052801	Kg	120		120	21/06/2018	Nhơn Hội		0.58	1250
3	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940118110099201	Kg	200		200	30/11/2018	Nhơn Hội		0.58	1250
4	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940118120007303	Kg	510		510	30/11/2018	Nhơn Hội		0.60	1200
5	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040012405	Kg	190		190	03/12/2018	Nhơn Hội		0.60	1200
6	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040013003	Kg	660		660	19/04/2019	Nhơn Hội		0.72	1200
7	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040013301	Kg	550		550	20/04/2019	Nhơn Hội		0.69	1200
8	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040013303	Kg	320		320	16/04/2019	Nhơn Hội		0.71	1200
9	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040013407	Kg	140		140	16/04/2019	Nhơn Hội		0.71	1200
10	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040013506	Kg	110		110	21/04/2019	Nhơn Hội		0.71	1200
11	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040014606	Kg	110		110	20/04/2019	Nhơn Hội		0.71	1200
12	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040015105	Kg	140		140	21/04/2019	Nhơn Hội		0.71	1200
13	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040028506	Kg	320		320	21/04/2019	Nhơn Hội		0.71	1200
14	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040028507	Kg	120		120	20/04/2019	Nhơn Hội		0.69	1219
15	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040028604	Kg	260		260	20/04/2019	Nhơn Hội		0.69	1219
16	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040034905	Kg	450		450	20/04/2019	Nhơn Hội		0.69	1219
17	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040035204	Kg	240		240	21/04/2019	Nhơn Hội		0.69	1219
18	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119040035306	Kg	330		330	21/04/2019	Nhơn Hội		0.69	1219
19	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050029704	Kg	530		530	22/04/2019	Nhơn Hội		0.69	1219
20	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050029705	Kg	530		530	18/05/2019	Nhơn Hội		0.71	1200
21	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050038801	Kg	1,820		1,820	21/05/2019	Nhơn Hội		0.71	1200
22	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050051101	Kg	140		140	16/05/2019	Nhơn Hội		0.68	1219
23	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050056502	Kg	1,890		1,890	17/05/2019	Nhơn Hội		0.65	1200
24	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050058206	Kg	990		990	20/05/2019	Nhơn Hội		0.60	1200
25	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050058501	Kg	470		470	21/05/2019	Nhơn Hội		0.71	1200
26	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050074602	Kg	1,820		1,820	19/05/2019	Nhơn Hội		0.75	1200
27	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050074902	Kg	120		120	28/06/2019	Nhơn Hội		0.68	1219
28	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050076204	Kg	520		520	29/05/2019	Nhơn Hội		0.68	1200
29	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050092201.	Kg	400		400	24/05/2019	Nhơn Hội		0.71	1200
30	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050097001	Kg	140		140	25/05/2019	Nhơn Hội		0.60	1240
31	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050107601	Kg	7,160		7,160	27/05/2019	Nhơn Hội		1.04	1200
32	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050109504	Kg	700		700	29/05/2019	Nhơn Hội		0.65	1200
33	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050109505	Kg	210		210	29/05/2019	Nhơn Hội		0.69	1200
34	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050109506	Kg	290		290	29/05/2019	Nhơn Hội		0.71	1200
35	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050110601	Kg	450		450	30/05/2019	Nhơn Hội		0.71	1200
36	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050111202	Kg	670		670	28/05/2019	Nhơn Hội		0.65	1200
37	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050113202	Kg	1,860		1,860	31/05/2019	Nhơn Hội		0.64	1200
38	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119050113401	Kg	270		270	29/05/2019	Nhơn Hội		0.65	1200
39	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119060005301	Kg	650		650	28/05/2019	Nhơn Hội		0.65	1200
40	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119060016403	Kg	520		520	02/06/2019	Nhơn Hội		0.73	1200
41	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119060021808	Kg	370		370	24/06/2019	Nhơn Hội		0.73	1210
42	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119060026405	Kg	480		480	13/06/2019	Nhơn Hội		0.69	1219
43	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119060028502	Kg	500		500	13/06/2019	Nhơn Hội		0.69	1219
44	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119060029007	Kg	230		230	16/06/2019	Nhơn Hội		0.69	1219
45	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119060041302	Kg	270		270	14/06/2019	Nhơn Hội		0.69	1219
46	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119060042602	Kg	300		300	16/06/2019	Nhơn Hội		0.69	1219
47	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119070020101	Kg	210		210	29/06/2019	Nhơn Hội		0.73	1219
48	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119070025402	Kg	890		890	09/07/2019	Nhơn Hội		0.72	1219
49	A01000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940118110045908	Kg	2,040		2,040	11/07/2019	Nhơn Hội		0.72	1219
50	A06000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940118110045911	Kg	2,150		2,150	26/11/2018	Nhơn Hội		0.58	1200
51	A06000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940118110099103	Kg	620		620	29/11/2018	Nhơn Hội		0.58	1200
52	A06000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119020053000	Kg	2,180		2,180	11/12/2018	Nhơn Hội		0.71	1219
53	A06000004	Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày >= 0.57mm	00940119060048900	Kg	2,890		2,890	25/02/2019	Nhơn Hội		0.58	1200
Tổng cộng					40,170	0	40,170					